TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM - PT
Ngày 11 - 11 - 2019
V/v tranh chấp thực hiện nghĩa vụ hợp đồng và tuyên bố một phần hợp đồng vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Đức Châm;

Ông Cao Đức Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Liễu Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2017/TLPT- KDTM ngày 17/10/2019 về tranh chấp thực hiện nghĩa vụ hợp đồng và tuyên bố một phần hợp đồng vô hiệu.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 23/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần V; địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần V: Ông Hứa Văn H- Chức vụ: Giám đốc Công ty cổ phần V; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền Công ty cổ phần V: Ông Đàm Đức H - Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty cổ phần V (theo giấy ủy quyền ngày 01/11/2019); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần V: Ông Huỳnh Mỹ L - Luật sư, văn phòng luật sư H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (nay là Tổng công ty D - Công ty cổ phần); địa chỉ: Đường N, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức M - Chức vụ: Tổng giám đốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Huy G - Chức vụ: Quyền Giám đốc chi nhánh Hà Nội (theo giấy ủy quyền ngày 06/11/2019); vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty trách nhiện hữu hạn H; địa chỉ: Đường C, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn D - Chức vụ: Giám đốc; vắng mặt. (Công ty đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Quyết định số QDTH/64171 ngày 04/7/2019 của phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Lạng Sơn).

- *Người kháng cáo*: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (nay là Tổng công ty D - Công ty cổ phần) là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 29/9/2014 Công ty cổ phần V ký hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2014/HĐ-XD với Chi nhánh Hà Nội Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D là đơn vị trực thuộc của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D (nay là Tổng công ty D - Công ty cổ phần) để thực hiện gói thầu số 01: Hạ tầng, kè, cống và tường rào, dự án: Đầu tư và khai thác bến xe N với mức giá đầu tư là 17.172.715.000 đồng (Mười bảy tỷ một trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng).

Tổng công ty D - Công ty cổ phần đã ủy quyền cho ông Vũ Hồng T- Giám đốc Chi nhánh Hà Nội được phép ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo Giấy ủy quyền số 720/UQ-Cty ngày 16/9/2014 .

Ngày 01/7/2015, Công ty D đã ủy quyền cho ông Vũ Huy G theo Giấy ủy quyền số 777/UQ-Cty ngày 01/7/2015 để "…thực hiện chuyển tiếp công việc, quyền và nghĩa vụ hợp đồng số 01/2014/HĐ-XD ngày 29/9/2014…" Giấy ủy quyền này thay thế cho Giấy ủy quyền số 720/UQ-Cty.

Ngày 11/7/2016, Công ty D tiếp tục ủy quyền cho ông Vũ Huy G theo Giấy ủy quyền số 727/UQ-Cty ngày 11/7/2016 thay thế cho Giấy ủy quyền số 777/UQ-Cty để "…thực hiện chuyển tiếp công việc, quyền và nghĩa vụ hợp đồng số 01/2014/HĐ-XD ngày 29/9/2014…".

Sau khi ký kết hợp đồng, đơn vị trực thuộc của Tổng công ty D - Công ty cổ phần Chi nhánh Hà Nội đã tiến hành thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, kè, cống và tường rào. Ngày 09/3/2016, các bên đã lập Biên bản nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng Gói thầu số 01. Biên bản nghiệm thu và bàn giao thể hiện gồm Đại diện chủ đầu tư, Đại diện tư vấn giám sát, Đại diện tư vấn thiết kế, Đại diện đơn vị thi công.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng số 01/2014/HĐ-XD, Công ty cổ phần V đã có các cuộc họp, buổi làm việc với Tổng công ty D - Công ty cổ phần, bên tư vấn giám sát, bên tư vấn thiết kế để làm rõ các sai phạm trong quá trình thi công của Tổng công ty D - Công ty cổ phần, cụ thể: Biên bản

cuộc họp ngày 18/7/2016; Biên bản làm việc ngày 11/11/2016 có sự tham gia của ông Mai Xuân T, cán bộ kỹ thuật trực tiếp thi công.

Đến ngày 16/12/2016, Công ty cổ phần V đã cùng Tổng công ty D - Công ty cổ phần ký kết Biên bản thanh lý Hợp đồng đối với Hợp đồng số 01/2014/HĐ-XD. Căn cứ trên Biên bản nghiệm thu và bàn giao ngày 03/6/2016 để thanh lý Hợp đồng. Nhưng thực tế Biên bản nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng Gói thầu số 01 là ngày 09/3/2016, việc nhầm lẫn này là do đánh máy sai ngày tháng.

Sau khi có biên bản thanh lý Hợp đồng Công ty cổ phần V thấy Tổng công ty D - Công ty cổ phần không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình khi thực hiện Hợp đồng dẫn đến công trình không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo đúng thiết kế đã được phê duyệt nên ngày 11/4/2017 Công ty cổ phần V đã mời Tổng công ty D - Công ty cổ phần lên làm việc, để kiểm tra công trình thi công trên thực tế tại địa điểm xây dựng: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Qua kiểm tra cho thấy: Ống cống trên thực tế không có đế cống, ống cống đúc sẵn tại hiện trường sau khi đập vỡ phát hiện không có sắt, chất lượng bê tông kém, không đúng với bản vẽ thiết kế. Kiểm tra về kè phát hiện móng không có lớp lót móng và chiều cao là 20cm, trên bản vẽ chiều cao móng là 50cm. Kiểm tra về mương thoát nước không đúng với bản vẽ. Kiểm tra đất hữu cơ tại 02 điểm G45, tại vị trí điểm 06 độ sâu 2,9m đến 3,5m có lớp đất dầy từ 30 đến 50cm. Đồng thời qua kiểm tra, rà soát phát hiện toàn bộ phần kè tiếp giáp phía Đông của bến xe thuộc khu vực tái định cư cũ bị đổ, phát hiện toàn bộ kích thước của kè đều không chính xác so với bản vẽ hoàn công, đồng thời chất lượng công trình không đảm bảo. Tại các biên bản này, trước sự tham gia của đại diện Sở G tỉnh Lạng Sơn, đại diện Trung tâm kiểm tra chất lượng xây dựng, đại diện Chủ đầu tư, đại diện Nhà thầu, (đại diện Đơn vị Tư vấn giám sát - Công ty trách nhiệm hữu hạn H vắng mặt, đại diện Đơn vị tư vấn thiết kế - Công ty cổ phần Tư vấn kiến trúc và quy hoạch đô thị H vắng mặt) có ghi các nội dung sai phạm của Nhà thầu (Tổng công ty D - Công ty cổ phần).

Tiếp đến ngày 09/5/2017, Công ty cổ phần V và Tổng công ty D - Công ty cổ phần cùng Công ty trách nhiệm hữu hạn H đã có buổi làm việc và cùng lập biên bản họp, trong biên bản họp có thể hiện ý kiến của ông Vũ Huy G "Nhà thầu nhận thức sâu sắc việc sai thực tế tại hiện trường. Nhà thầu cam kết khắc phục hậu quả trên". Nhưng các bên không đưa ra giải pháp khắc phục các hạng mục không đảm bảo kỹ thuật.

Công ty cổ phần V khởi kiện yêu cầu Tổng công ty D - Công ty cổ phần phải thi công lại do thi công không đúng với thiết kế, kỹ thuật theo Hợp đồng số 01/2014/HĐ-XD ngày 29/9/2014, nếu không thi công lại theo đúng yêu cầu thiết kế, kỹ thuật thì phải hoàn trả lại số tiền đã được thanh toán theo từng hạng mục. Cụ thể: Hạng mục Kè là 631.839.292 đồng (Sáu trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm chín mươi hai đồng); Hạng mục Cống là 1.705.334.266 đồng (Một tỷ, bảy trăm linh năm triệu, ba trăm ba mươi tư nghìn, hai trăm sáu mươi sáu đồng); Hạng mục San nền là 1.885.571.025 đồng (Một tỷ, tám trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm bảy mươi mốt nghìn, không trăm hai mươi lăm đồng). Tổng cộng số tiền Tổng công ty D - Công ty cổ phần phải hoàn trả cho Công ty cổ phần V là 4.222.744.583 đồng (Bốn tỷ, hai trăm hai mươi hai

triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng). Yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu mục 17.2 của Điều 17 trong Hợp đồng số 01/2014/HĐ-XD ngày 29/9/2014 mà hai bên đã lựa chọn Tòa án giải quyết khi xảy ra tranh chấp vì sai quy định của pháp luật.

Tổng công ty D - Công ty cổ phần không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần V. Vì hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2014/HĐ-XD ngày 29 tháng 9 năm 2014 giữa Chi nhánh Hà Nội - Tổng công ty D - Công ty cổ phần và Công ty cổ phần V đã được thanh lý theo Biên bản thanh lý số 01/2014/HĐ-XD ngày 16/12/2016 và hết thời hạn bảo hành, nên giữa hai đơn vị không còn trách nhiệm gì ràng buộc với nhau. Hai là, vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc đình chỉ giải quyết vụ án. Trường hợp không đình chỉ giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc tuyên vô hiệu các văn bản do ông Vũ Huy G ký với Công ty cổ phần V liên quan đến hợp đồng số 01/2014/HĐ-XD ngày 29/9/2014 kể từ ngày 16/12/2016 sau khi ký biên bản thanh lý hợp đồng, vì ông Vũ Huy G không được ủy quyền sau khi hợp đồng đã thanh lý.

Công ty trách nhiệm hữu hạn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

Tại Kết quả giám định chất lượng công trình số 06/BC-KQGĐ ngày 26/6/2019 kết luận:

- Hạng mục san nền: Phần bóc hữu cơ chưa đạt yêu cầu, kết quả tại các vị trí kiểm tra cho thấy đơn vị thi công chưa bóc hết hoặc chưa bóc lớp hữu cơ theo yêu cầu thiết kế; Đất đắp nền (đầm nén K=95), kết quả kiểm tra độ chặt đất K95 không đạt yêu cầu.

- Tường chắn đất: Kích thước hình học kết quả đo tại hiện trường tại vị trí đo chưa đúng thiết kế (kích thước nhỏ hơn); Chất lượng tường kè không đạt yêu cầu kỹ thuật, tường bị đổ 45m trên tổng chiều dài 81m, bề mặt khối xây cho thấy không đông đặc, không phẳng…Dầm bê tông đỉnh tường tại các vị trí đổ thấy bê tông kém (đập nhẹ bê tông vỡ bở rời, có màu đất.

- Mương thoát nước: Kích thước hình học kết quả đo tại hiện trường tại vị trí đo chưa đúng thiết kế (kích thước nhỏ hơn); Chất lượng mương thoát không đạt yêu cầu kỹ thuật, mương bị đổ 17m trên đoạn cuối phía cánh đồng, bề mặt khối xây cho thấy không đông đặc, không phẳng…

- Ống cống và Đế cống các loại: Kích thước hình học kết quả đo tại hiện trường tại vị trí đo cơ bản đúng thiết kế; Chất lượng bê tông không đạt yêu cầu kỹ thuật, cường độ ống cống và đế cống theo kết quả kiểm tra cường độ chịu nén của bê tông bằng phương pháp siêu âm kết hợp súng bật nẩy không đạt yêu cầu, kết quả kiểm tra cường độ chịu nén của bê tông bằng phương pháp khoan lấy mẫu không đạt yêu cầu; số lượng thép thực tế ít hơn so với thiết kế.

Với nội dung như trên, Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 23/9/2019 của TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; Điều 157; khoản 1, 2 Điều 161, 162; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 76; Điều 80 Luật xây dựng năm 2003; điểm a khoản 3 Điều 147 Luật xây dựng năm 2014; Điều 135; Điều 302, Điều 304, Điều 308 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 281; Điều 351; Điều 357; Điều 358; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần V.

2. Buộc Tổng công ty D - Công ty cổ phần phải hoàn trả lại số tiền 2.955.921.208 đồng (Hai tỷ, chín trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi mốt nghìn, hai trăm linh tám đồng) cho Công ty cổ phần V.

3. Tuyên bố vô hiệu một phần của Hợp đồng số 01/2014/HĐ-XD ngày 29/9/2014 tại mục 17.2 của Điều 17 của Hợp đồng số 01/2014/HĐ-XD ngày 29/9/2014 về việc Công ty cổ phần V và Tổng công ty D - Công ty cổ phần thỏa thuận lựa chọn Tòa án kinh tế tại Hà Nội để giải quyết tranh chấp.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Công nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần V tự chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn). Xác nhận đã nộp đủ.

5. Về chi phí giám định chất lượng công trình

Tổng công ty D - Công ty cổ phần phải chịu số tiền chi phí giám định chất lượng công trình là 118.028.400 đồng (một trăm mười tám triệu không trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm đồng).

Công ty cổ phần V chịu số tiền chi phí giám định chất lượng công trình là 50.583.600 đồng (năm mươi triệu năm trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm đồng).

Buộc Tổng công ty D - Công ty cổ phần phải thanh toán cho Công ty cổ phần V số tiền chi phí giám định chất lượng công trình đã tạm ứng trước là 118.028.400 đồng (một trăm mười tám triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự

Trong hạn luật định, ngày 03/10/2019, Tổng công ty D – Công ty cổ phần có đơn kháng cáo đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện của Tổng công ty D – Công ty cổ phần đề nghị hoãn phiên tòa để công ty thuê luật sư và triệu tập đơn vị liên quan là Công ty

H đến phiên tòa; sau khi không được kiểm sát viên tại phiên tòa và Hội đồng xét xử chấp nhận thì đại diện của Tổng công ty D – Công ty cổ phần đã bỏ không tham gia phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quyết định của Hội đồng xét xử, đã có mặt tại phiên tòa nhưng tự ý bỏ không tham gia phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung: Theo quy định tại Điều 125 Luật xây dựng năm 2014 về bảo hành công trình; Khoản 6 Điều 37 Nghị định số 46/2015 ngày 12/5/2015 của Chính phủ quy định: Nhà thầu khảo sát, thiết kế, thi công, cung ứng vật liệu… chịu trách nhiệm đối với phần việc do mình thực hiện kể cả sau thời gian bảo hành. Tuy nhiên trong và sau thời gian bảo hành, nguyên đơn đã phát hiện sai phạm của nhà thầu thi công là bị đơn và yêu cầu khắc phục, nếu không khắc phục thì phải chuyển tiền cho nguyên đơn để thuê thi công lại nhưng phía bị đơn không thực hiện; do đó bị đơn phải có trách nhiệm thi công lại các hạng mục công trình không đạt yêu cầu, trường hợp bị đơn không thi công lại thì phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền mà nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn trên các hạng mục công trình đã thi công nhưng không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu. Việc để xẩy ra nhà thầu thi công không đảm bảo yêu cầu cũng có phần lỗi của công ty tư vấn giám sát và chủ đầu tư nên cũng phải chịu trách nhiệm đối với giá trị công trình theo phần lỗi; Án sơ thẩm buộc chủ đầu tư chịu 10 % và công ty tư vấn giám sát phải chịu 20 %, bị đơn phải chịu 70 % trên tổng giá trị của 3 hạng mục công trình không đạt yêu cầu là có căn cứ. Đối với yêu cầu tuyên bố vô hiệu một phần của hợp đồng xây dựng số 01/2014/HĐ-XD ngày 29/9/2014 tại tiểu mục 17.2 Điều 17 về việc Công ty cổ phần V và Tổng công ty D-Công ty cổ phần thỏa thuận lựa chọn Tòa án Kinh tế Hà Nội giải quyết tranh chấp; theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nơi đối tượng tranh chấp là bất động sản thì chỉ nơi Tòa án có bất động sản có thẩm quyền giải quyết; do đó Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với phần hợp đồng là có căn cứ. Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/KDTM-ST ngày 23/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Đại diện công ty H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, hiện Công ty đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Quyết định số QDTH/64171 ngày 04/7/2019 của phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Lạng Sơn; đại diện của Tổng công ty D – Công ty cổ phần là bị đơn đề nghị hoãn phiên tòa để công ty thuê luật sư và triệu tập đơn vị liên quan là Công ty H đến phiên tòa; sau khi không được kiểm sát viên tại phiên tòa và Hội đồng xét xử chấp nhận thì đại diện của Tổng công ty D – Công ty cổ phần đã bỏ không tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Tại Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2014/HĐ-XD, ngày 29 tháng 9 năm 2014 và Phụ lục hợp đồng số 01/2015/PLHĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2015 được ký kết giữa Công ty cổ phần V với Tổng công ty D - Công ty cổ phần, theo đó Tổng công ty D - Công ty cổ phần (bên nhận thầu) thi công xây dựng các hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật, kè, cống và tường rào theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và chỉ dẫn kỹ thuật được phê duyệt, với mức giá đầu tư là 17.172.715.000 đồng. Đơn vị trực thuộc của Tổng công ty D - Công ty cổ phần đã tiến hành thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, kè, cống, san nền và tường rào. Đối với các hạng mục này Công ty cổ phần V đã thanh toán cho Tổng công ty D số tiền 4.222.744.583 đồng.

[4] Theo Điều 4 và Điều 5 Hợp đồng thi công xây dựng đã quy định rất rõ về nội dung khối lượng công việc và yêu cầu chất lượng sản phẩm và nghiệm thu bàn giao hợp đồng, những nghĩa vụ chưa được hoàn thành....theo đó "s*au khi đã cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao, mỗi bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Hợp đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa được hoàn thành*."

[5] Trước khi ký kết Biên bản thanh lý hợp đồng, Chủ đầu tư đã có các biên bản ghi nhận sai phạm về kỹ thuật khi thi công (Biên bản cuộc họp ngày 18/7/2016; Biên bản làm việc ngày 11/11/2016 có sự tham gia của ông Mai Xuân T, cán bộ kỹ thuật trực tiếp thi công). Cho dù Chủ đầu tư và Nhà thầu đã ký kết Biên bản thanh lý hợp đồng nhưng Nhà thầu thừa nhận các sai phạm, các nghĩa vụ chưa thực hiện. Việc thừa nhận này được ghi nhận trong Biên bản làm việc về việc xem xét chất lượng công trình ngày 11/4/2017 lập tại công trình; Biên bản làm việc về việc xem xét chất lượng công trình lập tại trụ sở Công ty cổ phần Vận tải ông tô số 2 Lạng Sơn. Tại các biên bản này, có sự tham gia của đại diện Sở G tỉnh Lạng Sơn, đại diện Trung tâm kiểm tra chất lượng xây dựng, đại diện Chủ đầu tư, đại diện Nhà thầu, (đại diện đơn vị Tư vấn giám sát - Công ty trách nhiệm hữu hạn H vắng mặt, đại diện đơn vị tư vấn thiết kế - Công ty cổ phần Tư vấn kiến trúc và quy hoạch đô thị H vắng mặt) có ghi các nội dung sai phạm của Nhà thầu, đại diện Nhà thầu là ông Vũ Huy G thừa nhận và ký xác nhận. Đồng thời, Biên bản làm việc giữa Chủ đầu tư, Nhà thầu và Công ty trách nhiệm hữu hạn H ngày 09/5/2017 cũng thể hiện việc sai phạm của Nhà thầu, nhưng các bên không đưa ra được giải pháp khắc phục các hạng mục không đảm bảo kỹ thuật.

[6] Theo Kết luận giám định chất lượng công trình số 06/BC-KQGĐ ngày 26/6/2019 của Văn phòng Tư vấn thẩm định thiết kế và Giám định chất lượng công trình thuộc Đại học T thì tất cả các hạng mục đều không đạt kết quả yêu cầu, không đúng với thiết kế.

[7] Như vậy, có căn cứ để thấy rằng Tổng công ty D - Công ty cổ phần chưa thực hiện đúng nghĩa vụ đã được ký kết trong Hợp đồng số 01/2014/HĐ-XD, ngày 29 tháng 9 năm 2014 . Theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về xây dựng thì Hợp đồng số 01/2014/HĐ-XD ngày 29/9/2014 chưa chấm dứt, việc thanh lý hợp đồng chưa đảm bảo đúng quy định và có tranh chấp về nghĩa vụ thực hiện hợp đồng giữa các bên. Nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[8] Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng Hợp đồng số 01/2014/HĐ-XD ngày 29/9/2014 đã được thanh lý bởi Biên bản thanh lý ngày 16/12/2016. Xét thấy, Hợp đồng mặc dù đã có biên bản thanh lý, nhưng sau khi có biên bản thanh lý Công ty cổ phần V và Tổng công ty D - Công ty cổ phần vẫn tiếp tục có các buổi làm việc xác định trong việc thi công công trình, bên thi công là Tổng công ty D - Công ty cổ phần đã có nhiều sai sót, cụ thể là thi công các hạng mục không đúng theo thiết kế, không đảm bảo chất lượng, các biên bản đều do ông Vũ Huy G ký.

[9] Xét về Biên bản thanh lý Hợp đồng số 01/2014/HĐ-XD ngày 29/9/2014 được lập là không căn cứ trên thực tế và không khách quan: Biên bản thanh lý căn cứ vào Biên bản nghiệm thu và bàn giao ngày 03/6/2016 nhưng thực tế Biên bản nghiệm thu và bàn giao là ngày 09/3/2016. Về phía nguyên đơn cho rằng do sơ suất trong quá trình soạn thảo biên bản thanh lý đã ghi ngày biên bản nghiệm thu và bàn giao sai, chính xác bản nghiệm thu và bàn giao là ngày 09/3/2016. Còn phía bị đơn cho rằng do lâu nên cũng không nhớ và cũng không lưu giữ.

[10] Do vậy, khẳng định Hợp đồng số 01/2014/HĐ-XD, ngày 29 tháng 9 năm 2014 chưa được coi là đã thanh lý, vì các bên chưa hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

[11] Từ những phân tích trên thấy rằng Bản án sơ thẩm xử buộc Tổng công ty D – Công ty cổ phần phải bồi thường cho Công ty cổ phần vận tải ô tô số 2 là có căn cứ. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty D – Công ty cổ phần.

[12] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên Tổng công ty D – Công ty cổ phần phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định.

[13] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty D – Công ty Cổ phần, giữ nguyên Bản án kinh doanh

thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 23/9/2019 của TAND huyện Cao Lộc; cụ thể:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; Điều 157; khoản 1, 2 Điều 161, 162; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 76; Điều 80 Luật xây dựng năm 2003; điểm a khoản 3 Điều 147 Luật xây dựng năm 2014; Điều 135; Điều 302, Điều 304, Điều 308 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 281; Điều 351; Điều 357; Điều 358; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần V.

2. Buộc Tổng công ty D - Công ty cổ phần phải hoàn trả lại số tiền 2.955.921.208 đồng (hai tỷ chín trăm năm mươi lăm triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm linh tám đồng) cho Công ty cổ phần V.

3. Tuyên bố vô hiệu một phần của Hợp đồng số 01/2014/HĐ-XD ngày 29/9/2014 tại mục 17.2 của Điều 17 của Hợp đồng số 01/2014/HĐ-XD ngày 29/9/2014 về việc Công ty cổ phần V và Tổng công ty D - Công ty cổ phần thỏa thuận lựa chọn Tòa án kinh tế tại Hà Nội để giải quyết tranh chấp.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ

Công nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần V tự chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn). Xác nhận đã nộp đủ.

5. Về chi phí giám định chất lượng công trình

5.1.Tổng công ty D - Công ty cổ phần phải chịu số tiền chi phí giám định chất lượng công trình là 118.028.400 đồng (Một trăm mười tám triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm đồng).

5.2. Công ty cổ phần V chịu số tiền chi phí giám định chất lượng công trình là 50.583.600 đồng (Năm mươi triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn, sáu trăm đồng).

5.3. Buộc Tổng công ty D - Công ty cổ phần phải thanh toán cho Công ty cổ phần V số tiền chi phí giám định chất lượng công trình đã tạm ứng trước là 118.028.400 đồng (Một trăm mười tám triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm đồng).

6. Về án phí:

6.1. Án phí sơ thẩm: Bị đơn Tổng công ty D - Công ty cổ phần phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 91.118.424 đồng (Chín mươi mốt triệu, một trăm mười tám nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng).

Nguyên đơn Công ty cổ phần V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 50.004.701 đồng (Năm mươi triệu, không trăm linh bốn nghìn, bảy trăm linh một đồng). Công ty cổ phần V đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 57.114.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, một trăm mười bốn nghìn đồng).

Trả lại cho Công ty cổ phần V số tiền 7.109.299 đồng (Bẩy triệu, một trăm linh chín nghìn, hai trăm chín mươi chín đồng) là số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2012/05163 ngày 09/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

6.2. Án phí phúc thẩm: Tổng công ty D - Công ty cổ phần phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm 2.000.000đồng. Xác nhận Tổng công ty D - Công ty cổ phần đã nộp 2.000.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số AA/2012/05285 ngày 10/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Tổng công ty D - Công ty cổ phần đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa dân sự;

HCTP; KTNV&THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Sơn